

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2023/HS-ST

Ngày 29 - 9 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hoàn

Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Nga

Ông Nguyễn Thế Hiệp

Bà Hoàng Thị Len

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Hà Vĩnh Châm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 58/2023/TLST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2023 đối với:

I. Bị cáo: Nguyễn Đức H, sinh ngày 11/3/1991 tại tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ: Nguyễn Văn M, sinh năm 1952; Mẹ đẻ: Phạm Thị M1 (đã chết); Vợ là Tạ Thị M2 (đã ly hôn năm 2021); chưa có con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 15/5/2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. (có mặt).

II. Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Phạm Hữu G** – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Phạm Hữu L và cộng sự, Đoàn Luật sư tỉnh T.

Địa chỉ: Số C, đường T, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình. (có mặt)

III. Bị hại: Anh **Nguyễn Thành Đ**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số nhà A, đường T, tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 7/2020, do quen biết với anh Nguyễn Thành Đ, Nguyễn Đức H biết anh Đ đang cần tìm mua các Voucher xe Vinfast loại trị giá 70.000.000 đồng dành cho khách hàng mua căn hộ V được tặng 01 thẻ để mua xe ô tô Vinfast. Thấy vậy, H hẹn anh Đ nếu mua được V1 sẽ thông báo cho anh Đ.

Ngày 17/7/2020 khi thấy có người đang bán 02 Voucher với giá 130.000.000 đồng, H thông báo cho anh Đ giá mua, anh Đ chuyển khoản cho H 130.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, H liên hệ với người bán nhưng người này yêu cầu giá cao hơn nên H không mua mà trả lại toàn bộ tiền cho anh Đ.

Cũng thời gian này, H tham gia đầu tư tiền ảo Bitcoin trên trang web Miningcity.com bằng tài khoản có tên đăng nhập: hieund.batdongsan@gmail.com, mật khẩu đăng nhập Nguyenduchieu@113191. Do cần tiền để đầu tư vào tiền ảo Bitcoin, thấy anh Đ tin tưởng mình, H nói dối anh Đ là có khả năng mua giúp V1 nhằm mục đích để anh Đ chuyển tiền cho H rồi chiếm đoạt. Do tin tưởng, anh Đ đã chuyển tiền cho H 05 lần qua tài khoản ngân hàng với tổng số tiền là 500.000.000 đồng, cụ thể:

- *Lần thứ nhất:* Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 24/7/2020, H liên lạc bằng điện thoại di động nói với anh Đ có người đang bán 01 Voucher với giá 65.000.000 đồng và yêu cầu anh Đ chuyển tiền ngay, anh Đ đã chuyển khoản từ tài khoản 2243999999 của anh mình mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần S đến tài khoản 048704060067809 của Nguyễn Đức H mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền 65.000.000 đồng.

- *Lần thứ hai:* Khoảng 12 giờ ngày 24/7/2020, H liên lạc bằng điện thoại di động tiếp tục nói dối với anh Đ có người bán 01 Voucher nữa với giá 65.000.000 đồng, anh Đ đã chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của H 65.000.000 đồng.

- *Lần thứ ba:* Cùng ngày 24/7/2020, H tiếp tục liên lạc bằng điện thoại di động nói dối với anh Đ có người rao bán 02 Voucher với giá 135.000.000 đồng, anh Đ lại tiếp tục chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng của mình vào tài khoản ngân hàng của H 135.000.000 đồng.

- *Lần thứ tư:* Khoảng 12 giờ ngày 25/7/2020, H tiếp tục liên lạc bằng điện thoại di động nói dối với anh Đ có người bán 02 Voucher với giá 135.000.000 đồng, anh Đ đã chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng cho H 135.000.000 đồng.

- *Lần thứ năm:* Đến buổi chiều cùng ngày 25/7/2020, H tiếp tục gọi điện thoại nói dối anh Đ có người bán 02 Voucher nữa với giá 135.000.000 đồng, anh

Đ đồng ý mua nhưng nói tài khoản không còn đủ tiền và chỉ chuyển cho H 100.000.000 đồng.

Toàn bộ số tiền nhận được từ anh Đ, H đều chuyển ngay vào các số tài khoản chăm sóc khách hàng trên trang web: Miningcity.com để đổi thành gói đầu tư Bitcoin, gồm:

- Chuyển 65.000.000 đồng đến số tài khoản 660704060036482 mang tên Huỳnh Kim T, sinh năm 1994, địa chỉ 63, đường F, KP2, phường P, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh, mở tại Ngân hàng Q (là tài khoản chăm sóc khách hàng của trang Web H đầu tư Bitcoin) để đổi thành gói đầu tư đào Bitcoin;

- Chuyển 208.000.000 đồng vào tài khoản tại Ngân hàng thương mại cổ phần Q có số 412704060139877 tên chủ tài khoản Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1989, nơi cư trú T, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (trong đó có 200.000.000 đồng là tiền của anh Đ);

- Chuyển 65.000.000 đồng vào tài khoản số 660704060036482 tên chủ tài khoản Huỳnh Kim T, sinh năm 1994, địa chỉ 63, đường F, KP2, phường P, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh;

- Chuyển 165.000.000 đồng vào tài khoản số 660704060036391 tên chủ tài khoản Dư Ngọc Đ1, sinh năm 1997, trú tại khu phố D, phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên (trong đó có 135.000.000 đồng là tiền của anh Đ);

- Chuyển 100.000.000 đồng vào tài khoản số 660704060017541 tên chủ tài khoản Hoàng Ngọc P, sinh năm 1997, trú tại I L, phường A, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Tổng số tiền H đã chiếm đoạt của anh Đ là 500.000.000 đồng. Khi anh Đ liên lạc hỏi về các Voucher thì H đưa ra nhiều lý do để trì hoãn, rồi cắt mọi liên lạc với anh Đ.

*** Cáo trạng số 57/CT-VKSTB ngày 05/9/2023** của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh thái Bình truy tố Nguyễn Đức H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

*** Tại phiên tòa:**

- Bị cáo H thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo trình bày do cần tiền đầu tư tiền ảo Bitcoin, biết anh Đ2 có nhu cầu mua voucher xe Vinfast nên bị cáo đã đưa ra thông tin gian dối là mua được V1 xe Vinfast giá rẻ để anh Đ tin tưởng chuyển tiền cho bị cáo, thực chất bị cáo không mua voucher xe Vinfast mà dùng tiền của anh Đ để chơi tiền ảo hết và thua lỗ hết, khi không có khả năng hoàn trả tiền, bị cáo đành cắt mọi liên lạc với anh Đ nhằm trốn tránh. Đến nay bị cáo rất ăn năn hối hận về hành vi phạm tội, xin bị hại tha lỗi cho bị cáo. Ngày 25/9/2023 bị cáo đã tác động để bố bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 20.000.000 đồng. Số tiền còn lại sau khi mãn hạn tù bị

cáo sẽ đi làm để trả dần cho anh Đ. Bị cáo kính mong HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, trong đơn bị hại trình bày đã nhận được 20.000.000 đồng tiền do bố bị cáo bồi thường, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền còn lại là 480.000.000 đồng đã chiếm đoạt của bị hại.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình luận tội, giữ nguyên truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H từ 12 năm đến 14 năm tù. Về hình phạt bổ sung: bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo phải trả cho bị hại số tiền 480.000.000 đồng theo đề nghị của bị hại.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus, màu đen, lắp sim số 0964767818 của bị cáo.

- Bị cáo không tranh luận.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ để cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất, tạo điều kiện cho bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với cộng đồng để sống có ích hơn.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở về lao động kiếm tiền trả bị hại và trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về chứng cứ buộc tội đối với bị cáo: Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, gồm:

- Đơn và lời khai của bị hại là anh Nguyễn Thành Đ (bút lục số 02; số 03, 04; từ số 456 đến số D);

- Sao kê giao dịch tài khoản số tài khoản 22439999999 của Nguyễn Thành Đ tại ngân hàng thương mại cổ phần S từ ngày 15/7/2020 đến 27/7/2020 (bút lục số 81);

- Sao kê giao dịch tài khoản số tài khoản 048704060067809 của Nguyễn Đức H tại Ngân hàng thương mại cổ phần Q từ ngày 17/7/2020 đến 26/7/2020 (bút lục số 104 đến số A);

- Sao kê giao dịch tài khoản số tài khoản 412704060139877 mang tên Nguyễn Thị Thu T1 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Q (bút lục số 149 đến số 192);

- Sao kê giao dịch tài khoản số tài khoản 660704060036482 mang tên Huỳnh Kim T tại Ngân hàng thương mại cổ phần Q (bút lục số 115 đến số 149a);

- Sao kê giao dịch tài khoản số tài khoản 660704060036391 mang tên Dư Ngọc Đ1 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Q (bút lục số 193 đến số 273);

- Sao kê giao dịch tài khoản số tài khoản 660704060074541 mang tên Hoàng Ngọc P tại Ngân hàng thương mại cổ phần Q (bút lục số 274 đến số 423);

- Biên bản ghi lời khai của chị Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1989, nơi cư trú T, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (bút lục số 69, 70);

- Biên bản xác minh do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh lập tại Công an phường P, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh đối với Huỳnh Kim T, sinh ngày 08/8/1994, địa chỉ 63, đường F, KP2, phường P, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh (bút lục số 73);

- Biên bản xác minh do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Phú Yên lập tại Công an phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên đối với Dư Ngọc Đ1, sinh năm 1997, trú tại khu phố D, phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên (bút lục số 77).

- Biên bản xác minh do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Phú Yên lập tại Công an phường A, thành phố T, tỉnh Phú Yên đối với Hoàng Ngọc P, sinh năm 1997, trú tại I L, phường A, thành phố T, tỉnh Phú Yên (bút lục số 76);

- Trong quá trình điều tra, truy tố, Nguyễn Đức H thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra (bút lục từ số 38 đến số 62; số 463 đến số D).

Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Trong tháng 7/2020, lợi dụng việc anh Nguyễn Thành Đ có nhu cầu mua Voucher xe Vinfast, bằng thủ đoạn gian dối Nguyễn Đức H đã làm cho anh Đ tin tưởng chuyển tiền để H mua hộ các Voucher xe Vinfast với giá từ 65.000.000 đồng đến 67.500.000 đồng/Voucher để chiếm đoạt của anh Đ 05 lần với số tiền 500.000.000 đồng thông qua phương thức chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của bị cáo trong đó: ngày 24/7/2020 chuyển 3 lần: lần 1 và 2 mỗi lần 65.000.000 đồng, lần thứ 3 là 135.000.000 đồng; ngày 25/7/2020 chuyển 2 lần, lần 1 chuyển 135.000.000 đồng, lần 2 chuyển 100.000.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt được tiền của anh Đ, H chuyển ngay vào tài khoản mua tiền ảo Bitcoin, bị thua lỗ hết. Không có khả năng trả lại tiền cho anh Nguyễn Thành Đ nên H đã cắt mọi liên lạc với anh Đ, anh Đ phải làm đơn trình báo đến cơ quan công an để xử lý về hình sự đối với H.

Hành vi của Nguyễn Đức H đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

“Điều 174 Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm;

...

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:

Bị cáo đã lợi dụng lòng tin của người khác để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của họ với số tiền lớn, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp, mục đích vụ lợi. Vì vậy cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo

nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa loại tội phạm liên quan đến lừa đảo chiếm đoạt tài sản đang có xu hướng gia tăng trong xã hội.

[4] Đánh giá về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt; không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, đã tác động để gia đình bồi thường số tiền 20.000.000 đồng cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo bị áp dụng 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về mức hình phạt: Căn cứ vào số tiền bị cáo đã chiếm đoạt, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo mức án như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: xét bị cáo không có thu nhập, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bố đẻ của bị cáo đã hoàn trả cho bị hại số tiền 20.000.000 đồng. Buộc bị cáo phải trả tiếp cho anh Đ số tiền đã chiếm đoạt còn lại là 480.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, các điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự.

[7] Về xử lý vật chứng: Tại phiên tòa, bị cáo khai chiếc điện thoại di động bị cáo bị Cơ quan điều tra thu giữ, quản lý là do bị cáo mua vào năm 2022, không sử dụng vào việc phạm tội; chiếc điện thoại di động sử dụng liên lạc với anh Đ bị cáo đã làm mất khi làm việc ở tỉnh Nghệ An, vì vậy, cần trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus, màu đen, lắp sim số 0964767818 của bị cáo là phù hợp với quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Các vấn đề khác:

Đối với chị Nguyễn Thị Thu T1, chị Huỳnh Kim T, anh Dư Ngọc Đ1 và anh Hoàng Ngọc P là tên các tài khoản chăm sóc khách hàng của trang web M3.com: Quá trình điều tra xác định chị T1 không biết và không lập tài khoản tại Ngân hàng Q; chị T, anh Đ1 và anh P không có mặt tại địa phương, Cơ quan cảnh sát điều tra chưa xử lý là phù hợp.

[9] Về án phí, quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm, nghĩa vụ chậm thi hành án dân sự theo quy định

của pháp luật. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

[2] Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H 12 (mười hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 15/5/2023.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự: ghi nhận bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 20.000.000 đồng. Buộc bị cáo Nguyễn Đức H phải bồi thường tiếp số tiền còn lại là 480.000.000 đồng (bốn trăm tám mươi triệu đồng) cho anh Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1989, Địa chỉ: Số nhà A, đường T, tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus, màu đen, lắp sim số 0964767818 (Vật chứng đang được quản lý tại Cục thi hành án tỉnh Thái Bình theo Biên bản giao nhận, bảo quản tang vật, tài sản thi hành án lập ngày 06/9/2023).

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Đức H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 23.200.000 (hai mươi ba triệu hai trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 29/9/2023. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Cơ quan Cảnh sát Điều tra, Cơ quan Thi hành án hình sự, phòng Hồ sơ - Công an tỉnh Thái Bình.
- Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Hà Nội; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Hoàn